

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI ANNIO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI ANNIO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANNIO TRADING BUSINESS AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110669234

**3. Ngày thành lập:** 01/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21/1/172 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972668620

Fax:

Email: Duyapplek1@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                                                                            | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                              | 4651(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                               | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                         | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hóa chất nhà nước cấm kinh doanh, trừ các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)                              | 4669        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                              | 8299        |
| 8.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                        | 9511        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                       | 9512        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                     | 9521        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                              | 9522        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202        |

|     |                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                  | 6209 |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                               | 6311 |
| 16. | Cổng thông tin<br>(loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                   | 6312 |
| 17. | Quảng cáo<br>(trừ hoạt động quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                  | 7310 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại cấm)                                                                                                                                                              | 4690 |
| 19. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                       | 2610 |
| 20. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                        | 2620 |
| 21. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                   | 2630 |
| 22. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                               | 2640 |
| 23. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                           | 2732 |
| 24. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                          | 2733 |
| 25. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                | 2740 |
| 26. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                        | 2750 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                               | 4791 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                             | 4933 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                     | 5210 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không)                                                                                  | 5229 |
| 32. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;<br>- Hoạt động của các điểm truy cập Internet<br>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;<br>- Dịch vụ ứng dụng viễn thông; | 6190 |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                   | 7730 |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                           | 3313 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                           | 3314 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                           | 3319 |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4741 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4742 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 41. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐẶNG KHÁNH DUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 27/01/1995

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020095009067

Ngày cấp: 07/06/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 100 Khu 1, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 100 Khu 1, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG KHÁNH DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020095009067

Ngày cấp: 07/06/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 100 Khu 1, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 100 Khu 1, Thị trấn Đình Lập, Huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội